

Họ và tên:Lớp: 7.....

ĐỀ SỐ 1

I. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. $|-1,2|$ bằng:

- A. 1,2 B. -1,2 C. $\pm 1,2$ D. 0

Câu 2. Kết quả phép tính $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot \frac{-12}{20}$ là :

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{-6}{10}$ C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{2}{5}$

Câu 3. Giá trị của $\sqrt{9}$ là:

- A. ± 3 B. 3 C. 81 D. -3

Câu 4. Trong các số sau số nào là số vô tỉ?

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\sqrt{\frac{16}{25}}$ C. 0 D. π

Câu 5. Cho $\triangle ABC$ có $\hat{A} = 90^\circ$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $\hat{B} + \hat{C} = \hat{A}$ B. $\hat{B} + \hat{C} \neq 90^\circ$ C. $\hat{B} + \hat{C} > 90^\circ$ D. $\hat{B} + \hat{C} < 90^\circ$

Câu 6. Qua điểm A nằm ngoài đường thẳng d có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng d ?

- A. Không C. Hai

- B. Một D. Vô số

Câu 7. Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$. Khẳng định nào sau đây là **sai** ?

- A. $AB = MN$ B. $\hat{C} = \hat{P}$ C. $BC = MP$ D. $\hat{B} = \hat{N}$

Câu 8. Bạn Nam ghi lại kết quả một cuộc phỏng vấn trong lớp. Dãy dữ liệu nào sau đây là dãy dữ liệu không là số, có thể sắp xếp theo thứ tự?

- A. Xếp loại hạnh kiểm năm học 2022-2023: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu.
B. Thể loại phim hay xem: Phim hoạt hình, phim khoa học viễn tưởng, phim tình cảm, phim hành động.
C. Thời gian tự học ở nhà: 2 giờ, 1,5 giờ, 3 giờ, 3,5 giờ, 1 giờ.
D. Món ăn ưa thích: Bún chả, phở bò, nem rán, bún bò Huế, bánh canh ghẹ.

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Bài 1.(2,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $\frac{13}{43} + \frac{-8}{31} + \frac{30}{43} + \frac{-23}{31}$

b) $\frac{1}{5} \cdot \sqrt{100} - \sqrt{\frac{9}{4}}$

c) $\frac{5}{7} \cdot \frac{3}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{12}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{8}{11}$

d) $\left| \frac{-2}{3} \right| + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-2}{5} \right)$

Bài 2.(1,5 điểm) Tìm x , biết:

a) $x - \frac{7}{6} = \frac{1}{3}$

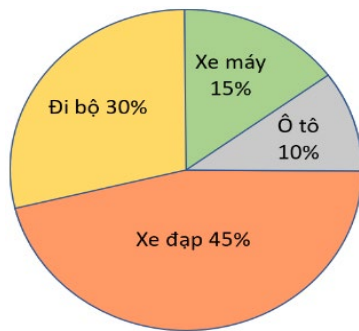
b) $\frac{x+3}{x-4} = \frac{5}{7}$ (với $x \neq 4$)

c) $2|3x+1| - 5 = 3$

Bài 3.(1,0 điểm) Tỷ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng đến trường của các em học sinh trường THCS Nam Hồng được biểu diễn qua hình quạt tròn bên dưới.

a. Hãy lập bảng thống kê tương ứng.

b. Biết trường THCS Nam Hồng có 1300 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh đi bộ đến trường?



Bài 4. (3,0 điểm)

1. Cho $\triangle ABC$ có $\hat{A} = 30^\circ$, $\hat{C} = 48^\circ$. Tính $\hat{B}$?

2. Cho $\triangle MNP$, có $MN = MP$. Gọi I là trung điểm của NP .

a. Chứng minh: $\triangle MNI = \triangle MPI$

b. Kẻ $IK \perp MN (K \in MN)$ và $IH \perp MP (H \in MP)$. Chứng minh: $\triangle MKI = \triangle MHI$.

c. Gọi E là trung điểm của HK . Chứng minh: $M; E; I$ thẳng hàng.

Bài 5.(0,5 điểm)

a) Tìm $n \in \mathbb{Z}$ để $A = \frac{2n+3}{3n-2}$ là số nguyên.

b) Tìm x , biết: $(x-2)^4 = 4 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{2019}$

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng máy tính cầm tay.

Họ và tên:Lớp: 7.....

ĐỀ SỐ 2

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm)

Chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. $\left| \frac{-3}{5} \right|$ bằng:

- A. $\frac{3}{5}$ B. 0 C. $\pm \frac{3}{5}$ D. $-\frac{3}{5}$

Câu 2. Kết quả phép tính $\frac{3}{4} + \frac{1}{5} \cdot \frac{-15}{8}$ là :

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{3}{8}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{3}{5}$

Câu 3. Giá trị của $\sqrt{49}$ là

- A. ± 7 B. -7 C. 7 D. 9

Câu 4. Trong các số sau số nào là số vô tỉ?

- A. $\frac{4}{9}$. B. 0 C. π D. $\sqrt{\frac{16}{81}}$

Câu 5. Cho $\triangle MNP$ có $\widehat{M} = 90^\circ$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $\widehat{M} + \widehat{P} = 90^\circ$ B. $\widehat{N} + \widehat{P} = 90^\circ$ C. $\widehat{N} + \widehat{P} > 90^\circ$ D. $\widehat{N} + \widehat{P} < 90^\circ$

Câu 6. Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng d ?

- A. Vô số C. Không
B. Hai D. Một

Câu 7. Cho $\triangle BCE = \triangle MNP$ Khẳng định nào sau đây là sai ?

- B. $BC = MN$ B. $\widehat{C} = \widehat{P}$ C. $CE = NP$ D. $\widehat{B} = \widehat{M}$

Câu 8. Bạn An ghi lại kết quả một cuộc phỏng vấn trong lớp. Dãy dữ liệu nào sau đây là dãy dữ liệu không là số, có thể sắp xếp theo thứ tự?

- A. Môn học yêu thích: Môn Văn, môn Toán, môn Nhạc, môn Thể dục, môn Sử.
B. Thẻ loại phim hay xem: Phim hoạt hình, phim khoa học viễn tưởng, phim tình cảm, phim hành động.
C. Thời gian chạy 100 m: 12 giây, 15 giây, 14 giây, 17 giây.
D. Xếp loại hạnh kiểm tháng 10 năm 2023: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu.

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Bài 1.(2,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

b) $\frac{15}{47} + \frac{-8}{33} + \frac{32}{47} + \frac{-25}{33}$

b) $\frac{1}{4} \cdot \sqrt{64} - \sqrt{\frac{9}{4}}$

c) $\frac{5}{9} \cdot \frac{7}{11} + \frac{5}{9} \cdot \frac{19}{11} - \frac{5}{9} \cdot \frac{8}{11}$

d) $\left| \frac{-1}{3} \right| + \frac{2}{3} \cdot \left(\frac{-1}{5} \right)$

Bài 2.(1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{5}{6} = \frac{1}{3}$

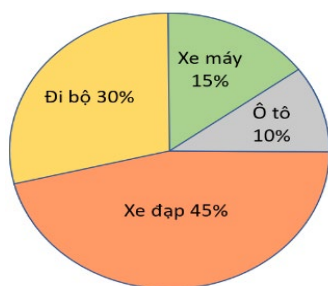
b) $\frac{x+1}{x-2} = \frac{3}{5}$ (với $x \neq 2$)

c) $3|4x+3| - 5 = 4$

Bài 3.(1,0điểm) Tỷ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng đến trường của các em học sinh trường THCS Nam Hồng được biểu diễn qua hình quạt tròn bên dưới.

a. Hãy lập bảng thống kê tương ứng.

b. Biết trường THCS Nam Hồng có 1300 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh đi xe đạp đến trường?



Bài 4. (3,0 điểm)

1. Cho $\triangle MNP$ có $\widehat{N} = 35^\circ$, $\widehat{P} = 54^\circ$. Tính $\widehat{M}$?

2. Cho $\triangle ABC$ cân tại A . Gọi D là trung điểm của BC .

a. Chứng minh: $\triangle ABD = \triangle ACD$

b. Kẻ $DH \perp AB (H \in AB)$ và $DK \perp AC (K \in AC)$. Chứng minh: $\triangle ADH = \triangle ADK$

c. Gọi E là trung điểm của HK . Chứng minh: $A; E; D$ thẳng hàng.

Bài 5.(0,5 điểm)

a) Tìm $n \in \mathbb{Z}$ để $A = \frac{4n+5}{5n+3}$ là số nguyên

b) Tìm x, biết: $(x-2)^6 = 4 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{2021}$

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng máy tính cầm tay.

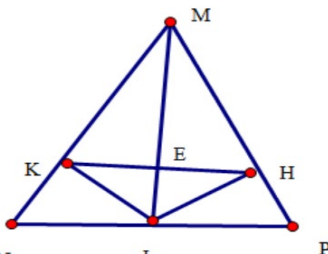
ĐỀ SỐ 01

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	D	A	B	C	A

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

BÀI	ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
1 (2 điểm)	a) $\frac{13}{43} + \frac{-8}{31} + \frac{30}{43} + \frac{-23}{31} = \left(\frac{13}{43} + \frac{30}{43}\right) + \left(\frac{-8}{31} + \frac{-23}{31}\right) = 0$	0,5 điểm
	b) $\frac{1}{5} \cdot \sqrt{100} - \sqrt{\frac{9}{4}} = \frac{1}{5} \cdot 10 - \frac{3}{2} = 2 - \frac{3}{2} = \frac{1}{2}$	0,5 điểm
	c) $\frac{5}{7} \cdot \frac{3}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{12}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{8}{11} = \frac{5}{7} \cdot \left(\frac{3}{11} + \frac{12}{11} - \frac{8}{11}\right) = \frac{5}{7} \cdot \frac{7}{11} = \frac{5}{11}$	0,5 điểm
	d) $\left \frac{-2}{3}\right + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-2}{5}\right) = \frac{2}{3} + \frac{-2}{15} = \frac{10}{15} + \frac{-2}{15} = \frac{8}{15}$	0,5 điểm
2 (1,5 điểm)	a) $x - \frac{7}{6} = \frac{1}{3} \quad x = \frac{1}{3} + \frac{7}{6} \quad x = \frac{9}{6} = \frac{3}{2}$	0,5 điểm
	b) $\frac{x+3}{x-4} = \frac{5}{7} \quad (\text{với } x \neq 4) \quad 7(x+3) = 5(x-4) \quad x = \frac{-41}{2} (TM)$	0,5 điểm
	c) $2 3x+1 - 5 = 3 \Rightarrow 3x+1 = 4$ $\Rightarrow \begin{cases} 3x+1=4 \Rightarrow x=1 \\ 3x+1=-4 \Rightarrow x=-\frac{5}{3} \end{cases}$	0,5 điểm
3 (1 điểm)	a) Bảng thống kê	0,5 điểm

	<table><tr><td>Phương tiện</td><td>Đi bộ</td><td>Xe đạp</td><td>Xe máy</td><td>Ô tô</td></tr><tr><td>Tỉ lệ %</td><td>30%</td><td>45%</td><td>15%</td><td>10%</td></tr></table>	Phương tiện	Đi bộ	Xe đạp	Xe máy	Ô tô	Tỉ lệ %	30%	45%	15%	10%	
Phương tiện	Đi bộ	Xe đạp	Xe máy	Ô tô								
Tỉ lệ %	30%	45%	15%	10%								
	b)Số học sinh đi bộ đến trường là: $1300.30\% = 390$ (học sinh)	0,5 điểm										
4 (3điểm)	1. Xét $\triangle ABC$ có: $\widehat{A} + \widehat{B} + \widehat{C} = 180^0$ (tổng 3 góc trong tam giác) suy ra $\widehat{B} = 180^0 - \widehat{A} - \widehat{C} = 180^0 - 30^0 - 48^0 = 102^0$	0,5 điểm										
		0,5 điểm										
	2. Vẽ hình + Viết GT-KL 0,5 điểm a. Xét $\triangle MNI$ và $\triangle MPI$ có: $MN = MP$ (GT); $IN= IP$ (vì I là trung điểm của NP); MI chung $\Rightarrow \triangle MNI = \triangle MPI$ (c.c.c) b. $\triangle MNI = \triangle MPI$ (cmt) $\Rightarrow \widehat{KMI} = \widehat{HMI}$ (2 góc tương ứng) Xét $\triangle MKI$ vuông tại K và $\triangle MHI$ vuông tại H, có: $\widehat{KMI} = \widehat{HMI}$ (cmt); MI chung $\Rightarrow \triangle MKI = \triangle MHI$ (Ch-gn) c. $\triangle MKI = \triangle MHI$ (cmt) $\Rightarrow MK= MH$ (2 cạnh tương ứng); $IK=IH$ (2 cạnh tương ứng) $\Rightarrow M, I$ thuộc đường trung trực của HK mà E là trung điểm của HK $\Rightarrow E$ cũng thuộc đường trung trực của HK $\Rightarrow M; E; I$ thẳng hàng	1 điểm 										

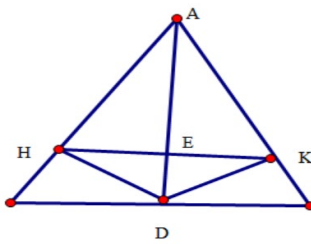
ĐỀ SỐ 02

II. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	C	B	D	B	D

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

BÀI	ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
1 (2 điểm)	a. $\frac{15}{47} + \frac{-8}{33} + \frac{32}{47} + \frac{-25}{33} = \left(\frac{15}{47} + \frac{32}{47}\right) + \left(\frac{-8}{33} + \frac{-25}{33}\right) = 0$	0,5 điểm
	b. $\frac{1}{4} \cdot \sqrt{64} - \sqrt{\frac{9}{4}} = \frac{1}{4} \cdot 8 - \frac{3}{2} = \frac{1}{2}$	0,5 điểm
	c) $\frac{5}{9} \cdot \frac{7}{11} + \frac{5}{9} \cdot \frac{19}{11} - \frac{5}{9} \cdot \frac{8}{11} = \frac{5}{9} \left(\frac{7}{11} + \frac{19}{11} - \frac{8}{11} \right) = \frac{5}{9} \cdot \frac{18}{11} = \frac{10}{11}$	0,5 điểm
	d) $\left \frac{-1}{3} \right + \frac{2}{3} \cdot \left(\frac{-2}{5} \right) = \frac{1}{3} + \frac{-4}{15} = \frac{5}{15} + \frac{-4}{15} = \frac{1}{15}$	0,5 điểm
2 (1,5 điểm)	b) $x - \frac{5}{6} = \frac{1}{3} \quad x = \frac{1}{3} + \frac{5}{6} \quad x = \frac{7}{6}$	0,5 điểm
	b) $\frac{x+1}{x-2} = \frac{3}{5} \quad (\text{với } x \neq 2) \quad 5(x+1) = 3(x-2) \quad x = \frac{-11}{2} (TM)$	0,5 điểm
	c) $3 4x+3 - 5 = 4 \Rightarrow 4x+3 = 3$ $\Rightarrow \begin{cases} 3x+1 = 3 \Rightarrow x = \frac{2}{3} \\ 3x+1 = -3 \Rightarrow x = \frac{-4}{3} \end{cases}$	0,5 điểm
3	a) Bảng thống kê	0,5 điểm

(1 điểm)	Phương tiện	Đi bộ	Xe đạp	Xe máy	Ô tô																
	Tỉ lệ %	30%	45%	15%	10%																
	b)Số học sinh đi xe đạp đến trường là: $1300.45\% = 585$ (học sinh)					0,5 điểm															
4 (3điểm)	1. Xét $\triangle MNP$ có: $\widehat{M} + \widehat{N} + \widehat{P} = 180^0$ (tổng 3 góc trong tam giác) suy ra $\widehat{M} = 180^0 - \widehat{N} - \widehat{P} = 180^0 - 35^0 - 54^0 = 91^0$					0,5 điểm															
						0,5 điểm															
	2. Vẽ hình + Viết GT-KL 0,5 điểm a. $\triangle ABC$ cân tại A $\Rightarrow AB = AC$ (ĐN tam giác cân) Xét $\triangle ABD$ và $\triangle ACD$ có: $AB = AC$ (cmt); $DB= DC$ (vì D là trung điểm của BC); AD chung $\Rightarrow \triangle ABD = \triangle ACD$ (c.c.c)					1 điểm															
	b. $\triangle ABD = \triangle ACD$ (cmt) $\Rightarrow \widehat{HAD} = \widehat{KAD}$ (2 góc tương ứng) Xét $\triangle ADH$ vuông tại H và $\triangle ADK$ vuông tại K, có: $\widehat{HAD} = \widehat{KAD}$ (cmt); AD chung $\Rightarrow \triangle ADH = \triangle ADK$ (Ch-gn) c. $\triangle ADH = \triangle ADK$ (cmt) $\Rightarrow AH= AK$ (2 cạnh tương ứng); $DH=DK$ (2 cạnh tương ứng) $\Rightarrow A,D$ thuộc đường trung trực của HK mà E là trung điểm của HK $\Rightarrow E$ cũng thuộc đường trung trực của HK $\Rightarrow A; E; D$ thẳng hàng					0,5 điểm															
5 (0,5 điểm)	a. $A = \frac{4n+5}{5n+3}$ là số nguyên khi $(4n+5) : (5n+3) \Rightarrow 5(4n+5) : (5n+3)$ $\Rightarrow [4(5n+3)+13] : (5n+3) \Rightarrow 5n+3 \in U(13)$. Ta có bảng sau:					0,25 điểm															
	<table><tr><td>$5n+3$</td><td>1</td><td>-1</td><td>13</td><td>-13</td></tr><tr><td>n</td><td>-2/5</td><td>-4/5</td><td>2</td><td>-16/5</td></tr><tr><td>A</td><td></td><td></td><td>1</td><td></td></tr><tr><td>Kết luận</td><td>Loại</td><td>Loại</td><td>TM</td><td>Loại</td></tr></table>	$5n+3$	1	-1	13		-13	n	-2/5	-4/5	2	-16/5	A			1		Kết luận	Loại	Loại	TM
$5n+3$	1	-1	13	-13																	
n	-2/5	-4/5	2	-16/5																	
A			1																		
Kết luận	Loại	Loại	TM	Loại																	
	Vậy với $n=2$ thì A nguyên.																				
	Đặt $B = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + ... + 2^{2021} \Rightarrow 2B = 2^2 + 2^3 + 2^4 + ... + 2^{2022} \Rightarrow 2B - B = 2^{2022} - 2$. Vậy $(x - 2)^6 = 4 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + ... + 2^{2021} \Rightarrow (x - 2)^6 = 2^{2022} \Rightarrow x - 2 = 2^{337}$ hoặc $x - 2 = -2^{337} \Rightarrow x = 2^{337} + 2$ hoặc $x = -2^{337} + 2$					0,25 điểm															

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 7

Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chủ đề 1. SỐ HỮU TỈ		Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ trong tập hợp số hữu tỉ và quy tắc chuyển vế để tìm số chưa biết.		Sử dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng số hữu tỉ thực hiện tính hợp lí		Vận dụng kiến thức về lũy thừa của số hữu tỉ để tìm số chưa biết.			
Số câu		1		1		1			3
Số điểm		0,5		0,5		0,5			1,5
Câu số		Bài 2a		Bài 1b		Bài 2b			
Thành tố NL		TD		TD, GQVĐ		TD			
Chủ đề 2. SỐ THỰC	Biết cách làm tròn số; nhận biết số thập phân vô hạn tuần hoàn, số vô tỉ, căn bậc hai			Thực hiện được biểu thức chứa căn bậc hai số học của một số nguyên, tìm được số chưa biết sử dụng kiến thức về giá trị tuyệt đối của số thực				Vận dụng kiến thức căn bậc hai của số thực tìm GTNN của biểu thức cho trước.	
Số câu	4			2				2	7
Số điểm	1			1,0				0,5	2,25
Câu số	1;2;3;4			Bài 1c, Bài 2c				B5	
Thành tố NL	TD			TD, GQVĐ				TD, GQVĐ	
Chủ đề 3. TAM GIÁC	Nhận biết được mỗi			Tính được số đo góc		Vận dụng kiến thức		Chứng minh	

BẢNG NHAU	quan hệ tổng 3 góc trong tam giác, 2 tam giác bằng nhau, đường trung trực			khi biết mối quan hệ giữa các góc trong tam giác, tính được số đo của góc chưa biết		các trường hợp bằng nhau của tam giác để chứng minh 2 tam giác bằng nhau, suy ra các cạnh tương ứng bằng nhau		đường trung trực của một đoạn thẳng	
Số câu	3			1		2		1	7
Số điểm	0,75			1,0		1,5		0,5	3,75
Câu số	5;6;7			3.1		Bài 3.2a,b		3.2c	
Thành tố năng lực	CC, MHH			MHH, GQVĐ,		TD, GQVĐ, MHH			
Chủ đề 5. THU THẬP VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU.	Xác định được dữ liệu, tính hợp lý của dữ liệu	Lập được bảng thống kê thông qua dữ liệu ở biểu đồ hình quạt tròn.		Đọc dữ liệu và tính toán được các số liệu					
Số câu	1	1		1					5
Số điểm	0,25	0,5		0,5					2,0
Câu số	8	Bài 3a		3.b					
Thành tố năng lực	GQVĐ	SD CC, PTTH							
Tổng số câu	8	2	0	6	0	3	0	3	22
Tổng số điểm	3,9		3,5		2,5		1,0		10
Tỉ lệ %	30%		35%		35%				100%

3.BẢNG ĐẶC TẢ CHI TIẾT.

TT	Chương /Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. SỐ HỮU TỈ	Nội dung 1. Các phép tính số hữu tỉ	Nhận biết : - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ trong tập hợp số hữu tỉ và quy tắc chuyển vế để tìm số chưa biết. Thông hiểu : - Sử dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng số hữu tỉ thực hiện tính hợp lí.	1 (TL)	1 (TL)		
		Nội dung 2. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ	Vận dụng thấp: - Vận dụng kiến thức về lũy thừa của số hữu tỉ để tìm số chưa biết.			1 (TL)	
2	Chủ đề 2. SỐ THỰC	Nội dung 1. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn. Số vô tỉ.	Nhận biết : Biết cách làm tròn số; nhận biết số thập phân vô hạn tuần hoàn, số vô tỉ.	2 (TN)	2(TL)		
		Nội dung 2. Căn bậc hai số học. Tập hợp các số thực	Thông hiểu : - Thực hiện được biểu thức chứa căn bậc hai số học của một số nguyên, tìm được số chưa biết sử dụng kiến thức về giá trị tuyệt đối của số thực. Vận dụng cao: - Vận dụng kiến thức giá trị tuyệt đối của số thực tìm GTLN của biểu thức cho trước.		2(TL)		2(TL)
3	Chủ đề 3. TAM GIÁC BẰNG	Nội dung 1. Tổng các góc trong một tam giác.	Nhận biết : - Nhận biết được mối quan hệ tổng 3 góc trong tam giác. Thông hiểu : - Tính được số đo góc khi biết mối quan hệ giữa các góc trong tam giác, tính được số đo của góc khi biết trước số đo của 1 góc trong tam giác cân.	3(TN)	1 (TL)		

	NHAU	Nội dung 2. Các trường hợp bằng nhau của 2 tam giác, Tam giác cân, Đường trung trực của một đoạn thẳng	Vận Dụng - Chứng minh 2 tam giác bằng nhau. Vận dụng cao: - Vận dụng kiến thức các trường hợp bằng nhau của tam giác để chứng minh 2 tam giác bằng nhau, suy ra các cạnh tương ứng bằng nhau; tam giác cân, đường trung trực của một đoạn thẳng.			2(TL)	1(TL)
5	Chủ đề 5. THU THẬP VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU.	Nội dung 1. Thu thập và phân loại dữ liệu.	Nhận biết : - Nhận biết về biểu đồ hình quạt tròn. - Biết biểu diễn được biểu đồ đoạn thẳng thông qua bảng thông tin. Biết thu nhận được thông tin qua biểu đồ đoạn thẳng.	2(TN) 1 (TL)	2 (TL)		
Tổng				9	8	3	3
Tỉ lệ %				40%	30%	15%	15%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

